

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/NQ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Chương trình hành động của Chính phủ được ban hành tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Các nội dung đã thực hiện theo Chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Chương trình hành động được ban hành tại Nghị quyết này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). *MO*



**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024

của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

(Kèm theo Nghị quyết số: 41 /NQ-CP

ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. **Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác;

cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

c) Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

d) Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo.

đ) Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

e) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

g) Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện.

h) Làm rõ định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm về “mức độ tự chủ về công nghệ”, “năng lực cạnh tranh số”, “doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến”, “lực lượng sản xuất hiện đại” và các khái niệm khác trong Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện.

i) Phân đầu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

k) Rà soát, sửa đổi quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

l) Xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

m) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

n) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

o) Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

p) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia.

c) Xây dựng, ban hành quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

d) Xây dựng, công bố mức độ đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp.

đ) Sửa đổi quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo để: (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Xây dựng quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; Quỹ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

g) Bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội thông qua:

- Thí điểm có sự giám sát của nhà nước; cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong việc thử nghiệm công nghệ số mới, mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển công nghệ số chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu lớn, công nghiệp an toàn, an ninh mạng, công nghiệp IoT.

- Rà soát, sửa đổi các quy định của pháp luật tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho việc đầu tư triển khai tuyến cáp quang biển quốc tế trong đó các doanh nghiệp Việt Nam là một thành viên, hoặc làm chủ.

- Rà soát các quy định Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để sửa đổi, bổ sung kịp thời đảm bảo có các quy định thuận lợi về thủ tục đấu thầu lựa chọn đối tác, lựa chọn doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghệ mới, công nghệ chiến lược, dịch vụ số và hạ tầng số với các cơ chế ưu đãi vượt trội trong đảm bảo đầu tư, phương án chia sẻ doanh thu, lợi nhuận, chia sẻ rủi ro trong quá trình đầu tư và trong hợp đồng đối tác công tư.

h) Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

i) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

k) Nghiên cứu phương án giao Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

l) Sửa đổi các quy định về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học, công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập.

m) Sửa đổi các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính.

n) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

o) Xây dựng, công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ sở pháp lý và đề án để hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược; Xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 05 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, nhà máy thông minh, đô thị thông minh,... được triển khai.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số.

d) Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Xây dựng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

e) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

h) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn quốc.

i) Thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố trực thuộc Trung ương.

k) Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

l) Xây dựng ngành công nghiệp Internet vạn vật (IoT) và một số khu công nghiệp chuyên biệt phát triển IoT; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; Thúc đẩy, phát triển một

số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...

m) Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

n) Rà soát các ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam.

o) Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia.

p) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

q) Ban hành và thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

r) Hoàn thiện hành lang pháp lý đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu.

s) Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

d) Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

đ) Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

e) Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác.

g) Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

h) Nghiên cứu, xây dựng chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên các ngành STEM thực hiện thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

i) Rà soát, sửa đổi quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, không vì lợi nhuận; sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

k) Rà soát, sửa đổi các quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho các hoạt động đầu tư, tài trợ, hợp tác đào tạo và nghiên cứu của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

l) Nghiên cứu, ban hành quy định áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các cơ sở giáo dục đại học công lập về tỉ lệ vay lại các dự án ODA và các dự án vốn vay ưu đãi khác hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

m) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính

để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

n) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

o) Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

p) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

q) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Phối hợp với các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

d) Xây dựng mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của

các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

đ) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân; Nghiên cứu, phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của quốc gia theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

e) Chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

g) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

i) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

k) Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

l) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

m) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn

hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

n) Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

o) Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

p) Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đầu tư, nâng cấp Trung tâm an ninh mạng quốc gia Bộ Công an đảm bảo việc kết nối, giám sát trên diện rộng tại hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng về An ninh quốc gia của các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp.

q) Hình thành và phát triển nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng theo hướng tự chủ thông qua việc phát triển các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trọng điểm và hình thành các doanh nghiệp lớn có tiềm lực đóng vai trò dẫn dắt thị trường và vươn ra thế giới.

r) Phát triển các hệ thống kỹ thuật quốc gia có năng lực giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả.

s) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

t) Số hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

u) Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

c) Xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước; Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.

d) Cập nhật, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

đ) Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn, an ninh mạng. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn. Xây dựng nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả.

e) Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, thuê khoán cho một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ chiến lược, đi đôi với nhiệm vụ triển khai phát triển hạ tầng số, các dự án chuyển đổi số quốc gia để hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn, đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

g) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước vươn ra toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

i) Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh

doanh trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỉ lệ 1% – 3% doanh thu.

k) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước, làm cơ sở vươn ra toàn cầu.

l) Xây dựng chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

m) Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

n) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

o) Rà soát, xây dựng các chính sách đặc thù để thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư tại các khu công nghiệp công nghệ số.

p) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

q) Khẩn trương xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

b) Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế. Có cơ chế xây dựng đội ngũ chuyên gia tham gia vào các vị trí lãnh đạo các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn của một số lĩnh vực liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược.

d) Tích cực tham gia, cử các nhà khoa học tham gia vào các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trên thế giới, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ của Liên hợp quốc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 01 năm 2025 và tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung theo Chương trình hành động được ban hành tại Nghị quyết này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ hàng Quý báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng cuối Quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số: 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình của thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Thứ bậc	Một số lĩnh vực đạt trình độ quốc tế	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	≤ 3 Đông Nam Á; ≤ 50 Thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Thứ bậc	≤ 3 Đông Nam Á; ≤ 50 Thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc	≤ 3 Đông Nam Á	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Bộ Khoa học và Công nghệ
8	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Bộ Tài chính
9	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	%	≥ 50	Bộ Khoa học và Công nghệ
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 30	Bộ Khoa học và Công nghệ
11	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
11.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Bộ Khoa học và Công nghệ
11.2	Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng Chính phủ
11.3	Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng Chính phủ
11.4	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng Chính phủ
11.5	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng Chính phủ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11.6	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng Chính phủ
11.7	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng Chính phủ
11.8	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Chính phủ
11.9	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng Chính phủ
12	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Bộ Khoa học và Công nghệ
14	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Bộ Khoa học và Công nghệ
15	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Bộ Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Bộ Tài chính
18	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	12	Bộ Khoa học và Công nghệ
19	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	40 - 50	Bộ Khoa học và Công nghệ
20	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Bộ Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16 - 18	Bộ Khoa học và Công nghệ
22	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Bộ Khoa học và Công nghệ
23	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Khoa học và Công nghệ
23.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Bộ Khoa học và Công nghệ
23.2	Số tuyến cáp quang biển mới đưa vào hoạt động	Tuyến cáp quang biển	09	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
23.3	Tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển	Tbps	≥ 350	Bộ Khoa học và Công nghệ
23.4	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Bộ Khoa học và Công nghệ
24	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện	Thành phố, Tỉnh	≥ 6	Bộ Khoa học và Công nghệ
25	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 3	Bộ Tài chính
26	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Bộ Khoa học và Công nghệ
27	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Bộ Công an
28	Hình thành sản dữ liệu	Sản dữ liệu	5	Bộ Công an
29	Hình thành các Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu quốc gia	≥ 03	Bộ Công an chủ trì; Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành phối hợp.
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
31	Tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Bộ Khoa học và Công nghệ
32	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Bộ Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Bộ Công an
34	Hoàn thành xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ hàng đầu của ngành Công an ngang tầm các nước tiên tiến để trở thành Trung tâm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, từng bước làm chủ các công nghệ chiến lược ứng dụng trong công tác Công an	Cơ sở	01	Bộ Công an
35	Tỉ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	50	Bộ Khoa học và Công nghệ
II	Đến năm 2045			
36	Quy mô kinh tế số	%GDP	≥ 50	Bộ Khoa học và Công nghệ
37	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu	Thứ bậc	≤ 30	Bộ Khoa học và Công nghệ
38	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1000 dân	1	Bộ Khoa học và Công nghệ
39	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 10	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
40	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 5	Bộ Tài chính
41	Làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia	%	20 - 50	Bộ Công an